

(GV chuyên trách)

Âm nhạc
ÔN BÀI HÁT: TIẾNG HÁT BẠN BÈ MÌNH

Mĩ thuật
TÌM HIỂU TRANH THEO CHỦ ĐỀ: VẼ ĐẸP CUỘC SỐNG(Tiết 2)

Thứ tư ngày 27 tháng 3 năm 2019

Luyện từ và câu

**NHÂN HOÁ. ÔN CÁCH ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỂ LÀM GÌ?
DẤU CHẤM, CHẤM HỎI, CHẤM THAN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Xác định được cách nhân hoá cây cối, sự vật và bước đầu nắm được tác dụng của nhân hoá.
- Tìm được bộ phận câu trả lời câu hỏi Để làm gì ?
- Đặt đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào ô trống trong câu.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng sử dụng dấu câu hợp lý

3. Thái độ: Yêu thích học và tìm hiểu tiếng Việt.

4. Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập, SGK
- HS: SGK, vở

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (3 phút) - Lớp chơi trò chơi: “ Gọi thuyên” - TBHT điều hành- Nội dung chơi T/C: + Nhân hóa. Cách đặt và trả lời câu hỏi Vì sao? + Từ ngữ về lễ hội (...) - GV tổng kết trò chơi - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng MRVT: Lễ hội- Dấu phẩy	- Học sinh tham gia chơi. -HS dưới lớp theo dõi nhận xét -Lắng nghe - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập
2. HĐ thực hành (27 phút) *Mục tiêu: - Bước đầu nắm được tác dụng của nhân hoá -Tìm được bộ phận câu trả lời câu hỏi Để làm gì ? - Đặt đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào ô trống trong câu.	

***Cách tiến hành:**

Bài tập 1: HD cặp đôi - Cả lớp

- GV giao nhiệm vụ
- + Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 1.
- + Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi.

- GV và HS nhận xét, chốt lại lời giải đúng:
Cách xưng hô ấy làm cho ta có cảm giác bè lũ bình và xe lu giống như 1 người bạn gần gũi đang nói chuyện cùng ta.

Bài tập2: HD nhóm đôi - Cả lớp

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 2.
- Trao đổi theo nhóm(theo bàn)
- GV và HS nhận xét, chốt lời giải đúng.

Bài tập3: HD cá nhân

- GV giao nhiệm vụ
 - + Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài
 - + Làm bài cá nhân
 - + Chấm bài, nhận xét.
 - GV nhận xét, phân tích chốt lại lời giải đúng.
- * KQ đúng:*
=> Phong đi học về. Thấy...điểm tốt à? Vâng!..... Long.....
=>GV củng cố về cách dùng dấu câu hợp lí trong khi nói và viết.

+ 2HS nêu yêu cầu BT, lớp đọc thầm.

- HS thảo luận theo nhóm đôi.
- HS chia sẻ bài làm

***Dự kiến KQ:**

*Bè lũ bình tự xưng là tôi
Xe lu tự xưng là tớ*

+ 2HS nêu yêu cầu BT, lớp đọc thầm.

- HS làm bài N2 -> chia sẻ.
- HS thống nhất KQ -> chữa bài vào vở.

+HS gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi. Các bộ phận cần gạch là:

để xem lại bộ móng

để tưởng nhớ ông

để chọn con vật nhanh nhất

- 1HS nêu yêu cầu, lớp đọc thầm.
- HS làm bài cá nhân

- 1HS đọc lại bài đúng (đã bảng điền dấu câu đúng)

3. HD ứng dụng: (3 phút)

- Hỏi lại những điều cần nhớ.
- GV chốt lại những phần chính trong tiết học.

- 1, 2 học sinh nhắc lại
- Lắng nghe

4. HD sáng tạo: (1 phút)

- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần tương tác, chia sẻ bài học.
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, viết một đoạn văn ngắn có sử dụng biện pháp nhân hóa.

- Lắng nghe
- Lắng nghe và thực hiện.

- Chuẩn bị bài sau: *Từ ngữ về thể thao- Dấu phẩy*

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

Toán

TIẾT 138: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Đọc viết số trong phạm vi 10.000.
- Biết thứ tự các số trong phạm vi 10.000.
- Giải toán tìm thành phần chưa biết của phép tính và giải bài toán có lời văn.
- HS làm được các BT:1,2,3.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng Đọc viết số trong phạm vi 10.000, tìm thành phần chưa biết của phép tính,...

3.Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích học toán.

4. Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu bài tập
- HS: Bảng con

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1.Hoạt động khởi động (5 phút) + Gọi 3 em lên bảng đặt tính rồi tính: $3254 + 2473$ 1326×3 $8326 - 4916$ + Lớp theo dõi nhận xét bài bạn. - Kết nối nội dung bài học.	-3HS lên bảng làm bài. -HS nhận xét, đánh giá -Lắng nghe -> Ghi bài vào vở
2.Hoạt động thực hành: (27 phút) * Mục tiêu: - Đọc viết số trong phạm vi 10.000. - Biết thứ tự các số trong phạm vi 10.000. - Giải toán tìm thành phần chưa biết của phép tính và giải bài toán có lời văn. - HS làm được các BT:1,2,3. * Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp	

Bài tập 1: Làm việc cá nhân – Cả lớp

- GV giao nhiệm vụ
- Gọi học sinh nêu yêu cầu BT1
- Yêu cầu lớp theo dõi đối chéo vở và chữa bài.

Bài tập 2 : Nhóm đôi – Cả lớp

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS làm bài N2
- *GV lưu ý HS M1 +M2 cách tìm thành phần chưa biết (...)
- GV nhận xét, củng cố cách tìm: thừa số, số bị trừ, số hạng, số bị chia.

Bài tập 3: Cá nhân – Cả lớp

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân
- GV nhận xét, củng cố về giải toán dạng rút về đơn vị.
- + Liên quan về rút về đơn vị.
- B1. Tìm giá trị 1 phần.
- B2. Tìm giá trị nhiều phần

🌀 Bài tập chờ

Bài tập 4. (M3+M4):

- Yêu cầu học sinh làm bài rồi báo cáo kết quả.
- GV chốt đáp án đúng

4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)

- Nêu lại ND bài ?
- Từ 5 chữ số 0;1;2;3;4 hãy lập số lớn nhất, bé nhất có 5 chữ số khác nhau từ 5 chữ số trên

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS làm bài cá nhân vào vở
- Đối chéo vở KT
- Đại diện 2HS lên bảng gắn phiếu lớn
- Chia sẻ KQ trước lớp kết quả
- +HS tiếp nối nhau đọc dãy số (mỗi em đọc 1 số).
- +Thông nhất cách làm và đáp án đúng
- *Dự kiến KQ:*
- a. 3897, 3898, 3899,3900, 3901, 3902
- b. 24 686, 24 687, 24 688, 24 689, 24 690, 24691
- c. 99 995, 99 996, 99 997, 99 998, 99 999, 100 000.

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS làm bài -> Trao đổi N2...
- Đại diện 2HS lên bảng gắn phiếu lớn
- Chia sẻ KQ trước lớp kết quả
- Thông nhất cách làm và đáp án đúng
- *Dự kiến KQ:*
- a. 5388 b. 6254
- c. 1413 d. 4884.

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS làm bài
- Đại diện 2HS lên bảng gắn phiếu lớn
- Chia sẻ KQ trước lớp kết quả
- Thông nhất cách làm và đáp án đúng

Bài giải

Mỗi ngày đào được là:

$$315 : 3 = 105 (m)$$

Số mét đào trong 8 ngày là:

$$105 \times 8 = 840 (m)$$

$$ĐS: 840 m$$

- HS đọc nhẩm YC bài
- + Học sinh tự xếp hình -> báo cáo với giáo viên.

- HSTL
- HS lập:
- + Số lớn nhất: 43210
- + Số bé nhất: 10234

<p>5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà tìm các bài toán dạng rút về đơn vị để làm thêm. - Về nhà học bài chuẩn bị bài sau: <p><i>Diện tích của một hình</i></p>	<p>- Lắng nghe, thực hiện</p>
---	-------------------------------

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Tập viết ÔN CHỮ HOA T (T.T)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng và tương đối nhanh chữ hoa **T** (1 dòng chữ **Th**), **L** (1 dòng)
- Viết đúng tên riêng **Thăng Long** (1 dòng)
- Viết câu ứng dụng: **Thẻ dục thường xuyên bằng nghìn viên thuốc bổ** (1lần) bằng cỡ chữ nhỏ.

2. Kỹ năng: Rèn chữ viết đúng, viết nhanh và đẹp.

3. Thái độ: Có ý thức giữ vở sạch, yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Mẫu chữ hoa **T (Th)**, **L** viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.
- Học sinh: Bảng con, vở Tập viết.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Hoạt động khởi động: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát “ <i>Chữ càng đẹp, nét càng ngoan</i>” - Kiểm tra bài viết. + 2HS lên bảng viết từ: <i>Côn Sơn, rì rào,...</i> + Viết câu ứng dụng của bài trước “ <i>Công cha, nghĩa mẹ, chữ thầy,...</i> ” - Giáo viên nhận xét đánh giá. - Giới thiệu bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp hát tập thể - Thực hiện theo YC - Lớp viết vào bảng con. - Nhận xét, tuyên dương bạn - Lắng nghe,... - HS ghi vở

2. Hoạt động nhận diện đặc điểm và cách viết chữ, câu ứng dụng: (10 phút)

* **Mục tiêu:** Giúp HS nắm được cách viết đúng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng.

* **Cách tiến hành:** **Hoạt động cả lớp**

Hướng dẫn viết trên bảng con

* **Việc 1: Hướng dẫn viết chữ hoa:**

- Yêu cầu học sinh tìm các chữ hoa có trong bài.

- Viết mẫu và kết hợp nhắc lại cách viết từng chữ T,(Th), L.

- Yêu cầu học sinh tập viết vào bảng con các chữ vừa nêu.

- Các chữ hoa có trong bài: T,(Th), L.

- Học sinh theo dõi giáo viên viết mẫu.

+ Lưu ý điểm đặt bút, điểm dừng bút

+ Chú ý các nét khuyết cong tròn hở trên, nét thắt,...

- HS tập viết trên bảng con: T,(Th), L .

* **Việc 2: Hướng dẫn viết từ ứng dụng**

- Yêu cầu đọc từ ứng dụng *Thăng Long*

+ GV giới thiệu: *Thăng Long* là tên cũ của thủ đô Hà Nội ngày nay,...

- GV viết mẫu tên riêng theo cỡ nhỏ. Sau đó hướng dẫn các em viết bảng con (1-2 lần)

+ Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng):

- Đọc từ ứng dụng

- Lắng nghe để hiểu thêm về địa danh *Thăng Long*

-HS QS

-HS viết từ ứng dụng: *Thăng Long*

* **Việc 3: HD viết câu ứng dụng:**

- Gọi HS đọc câu ứng dụng.

- Giúp HS hiểu nội dung câu ứng dụng

+ *Câu ứng dụng khuyên điều gì?*

-Luyện viết câu ứng dụng :

+ Yêu cầu luyện viết những tiếng có chữ hoa

(*Thăng Long*) là chữ đầu dòng.

-Yêu cầu viết tập viết trên bảng con:

“*Thể dục thường xuyên bằng nghìn viên thuốc bổ*”.

+ Các con chữ có độ cao như thế nào?

+ GV hướng dẫn cách viết.

+ Viết bảng:

-Nhận xét, đánh giá

- HS đọc câu ứng dụng

+ *Thể dục thường xuyên bằng nghìn viên thuốc bổ.*

+ Năng tập thể dục làm cho con người khoẻ mạnh như uống rất nhiều thuốc bổ.

- Cả lớp tập viết vào bảng con.

- Lớp thực hành viết chữ hoa trong câu ứng dụng trên bảng con.

- Các con chữ **Th, g, y, b** cao 2 li rưỡi, **đ** cao 2 li, **t** cao 1,5 li, còn lại các con chữ cao 1 li.

+ 2HS viết bảng lớp, lớp viết bảng con: *Thể dục*,...

-Lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Hoạt động thực hành viết trong vở:(15 phút)

* **Mục tiêu:** Giúp HS viết đúng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng.

* **Cách tiến hành:** **Hoạt động cả lớp - Cá nhân**

<p>Hướng dẫn viết vào vở tập viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu, cho HS viết vào vở: - Nhắc nhớ học sinh về tư thế ngồi viết, cách viết các con chữ và câu ứng dụng đúng mẫu. - GV cho HS quan sát bài viết mẫu trong vở tập viết 3, tập hai. <p>* Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng M1. M2:GV chú ý HD viết đúng nét, đúng độ cao và khoảng cách giữa các chữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Lớp thực hành viết vào vở theo hướng dẫn của giáo viên. - Viết chữ T : 1dòng. - Viết chữ Th: 1dòng. - Viết tên riêng: <i>Thăng Long</i> : 2 dòng - Viết câu ứng dụng 2 lần - HS viết bài vào vở
<p>4. Hoạt động nhận xét, đánh giá bài viết: (5 phút)</p> <p>* Mục tiêu: Giúp HS nhận ra lỗi sai khi chưa viết đúng cỡ chữ, từ, câu ứng dụng.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu và chấm bài 7 đến 10 bài. - Đánh giá, nhận xét, tuyên dương HS viết có cố gắng viết tốt nét cong tròn hở trái và nét cong tròn hở phải, nét thắt,... độ cao của các con chữ trong bài 	
<p>5. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét đánh giá. - Trưng bày một số bài có tiến bộ cho cả lớp lên tham khảo. - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết nét khuyết, nét cong, chữ hoa T (Th), L có tiến bộ. - Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ 	
<p>6. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà luyện viết thêm để chữ viết đẹp hơn. - Tìm thêm những câu ca dao, tục ngữ khuyên con người phải tập thể dục thường xuyên. - Dặn về nhà học bài và xem trước bài mới. 	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Đạo đức

TIẾT KIEM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC (tiết 1)

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp Học sinh hiểu: Nước sạch rất cần thiết với cuộc sống của con người. Nước dùng trong sinh hoạt (ăn uống ...) dùng trong lao động sản xuất. Nhưng nguồn nước không phải là vô tận. Vì thế chúng ta cần phải biết sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.

2. Kỹ năng

- Thực hành tiết kiệm nước, vệ sinh nguồn nước.
- Tham gia vào các hoạt động, phong trào tiết kiệm nước ở địa phương.

2. Thái độ: Quý trọng nguồn nước, có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước. Tán thành, học tập những người biết tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước. Không đồng ý với những người lãng phí và làm ô nhiễm nguồn nước.

4. Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL phát triển bản thân, NL điều chỉnh hành vi đạo đức.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV:
 - + 4 trang/ảnh chụp cảnh sử dụng nước (ở miền núi, đồng bằng hay miền biển).
 - + Tranh, bảng phụ, giấy khổ to, bút dạ ...
 - + Bảng từ, phiếu bài tập
- HS: Vở

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- PP vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, khăn trải bàn, động não

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Hát bài.- Bài hát có nội dung gì ?- Kết nối với nội dung bài	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh hát tập thể.- HSTL- HS lắng nghe, ...
2. HĐ thực hành: (27 phút) *Mục tiêu. - HS biết: Nước sạch rất cần thiết với cuộc sống của con người. Nước dùng trong sinh hoạt (ăn uống ...) dùng trong lao động sản xuất. Nhưng nguồn nước không phải là vô tận. Vì thế chúng ta cần phải biết sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước. *Cách tiến hành:	
<u>Việc 1:</u> Nước sạch rất cần thiết với sức khỏe Với đời sống của con người. HĐ cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp + Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm về 4 bức ảnh (tranh) được phát. + Hỏi: Đưa tranh/ảnh và yêu cầu học sinh nêu nội dung từng bức tranh/ảnh đó.	<ul style="list-style-type: none">+ Học sinh chia nhóm, nhận tranh và thảo luận trả lời câu hỏi.Tranh 1. Nước sử dụng dùng để tắm, giặt.Tranh 2. Nước dùng trong trồng trọt, chăn nuôi.Tranh 3. Nước dùng để ăn uống.Tranh 4. nước ở ao, hồ điều hòa không khí.+ Đại diện nhóm trình bày các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1. Tranh/ảnh vẽ cảnh ở đâu? (miền núi, miền biển hay đồng bằng ...).

2. Trong mỗi tranh, em thấy con người đang dùng nước để làm gì?

3. Theo em nước dùng để làm gì? Nó có vai trò như thế nào đối với đời sống con người?

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung và kết luận.

=>GV **kết luận:**

Việc 2: Cần phải tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.

Làm việc theo nhóm-> Chia sẻ trước lớp

+ Treo 4 bức tranh lên bảng.

Tranh 1. Đất ruộng nứt nẻ vì thiếu nước.

Tranh 2. Nước sông đen đặc và đầy rác bần.

Tranh 3. Em bé uống nước bần bị đau bụng.

Tranh 4. Em bé vặn vòi nước nhưng không có nước.

+ Yêu cầu học sinh thảo luận và trả lời:

1. Bức tranh vẽ gì? Tại sao lại thế?

2. Để có được nước sạch để dùng chúng ta phải làm gì?

3. Khi mở vòi nước, nếu không có nước, em cần phải làm gì? Vì sao?

=> **GV nhận xét:**

+ Ở tranh 1, 4 không có nước để sử dụng trong lao động và sinh hoạt vì nước đã hết hoặc không có đủ.

+ Ở tranh 2,3 do nước bị bần dẫn đến ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

+ Nước không phải là vô tận mà dễ bị cạn kiệt và dễ ô nhiễm làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

+ **Kết luận:** Để có nước sạch và sử dụng lâu dài, chúng ta phải biết tiết kiệm, dùng nước đúng mục đích và phải biết bảo vệ và giữ sạch

**Dự kiến ý kiến chia sẻ:*

→ Nước được sử dụng ở mọi nơi (miền núi, đồng bằng và cả miền biển).

→ Nước được dùng để ăn uống, để sản xuất...

→ Nước có vai trò rất quan trọng và cần thiết để duy trì sự sống, sức khỏe cho con người.

-Lắng nghe

+ Quan sát tranh trên bảng.

+ Các nhóm thảo luận và trả lời.

+ Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Dự kiến ý kiến chia sẻ:*

1.

→ Vẽ cánh đồng nứt nẻ vì bị thiếu nước.

→ Vẽ dòng sông nước rất bần do có nhiều rác rưởi.

→ Vẽ em bé bị đau bụng do uống phải nước bần.

→ Vẽ em bé lấy nước nhưng không có vì nước đã hết.

2. Để có nước sạch dùng phải biết tiết kiệm và giữ sạch nước.

3. Khóa vòi nước lại (...)

+ Học sinh lắng nghe và ghi nhớ.

nguồn nước.

***Việc 3: Thế nào là sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.**

Làm việc theo cặp -> Cả lớp

+ Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, phát cho mỗi cặp 1 phiếu bài tập yêu cầu thảo luận và hoàn thành phiếu. Nội dung vi ở cột A ứng với nội dung ở cột B sao cho thích hợp.

Cột A

1. Tắm rửa cho lợn, chó, trâu bò ở cạnh giếng nước ăn, bể nước ăn.
2. Đổ rác ở bờ ao, bờ hồ.
3. Nước thải ở nhà máy, bệnh viện cần phải được xử lý.
4. Vứt xác chuột chết, con vật chết xuống ao.
5. Vứt vỏ chai đựng thuốc bảo vệ thực vật vào thùng rác, cho rác vào đúng nơi qui định.
6. Đê vòi nước chảy tràn bê.
7. Dùng nước xong, khóa ngay vòi lại.
8. Tận dụng nước sinh hoạt để tưới cây.

+ Tổ chức chia học sinh thành 2 đội, các đội cử 5 người lên chơi trò chơi tiếp sức gắn/vẽ mũi tên nối các hành vi phù hợp từ cột A sang cột B.

+Kết luận:

- + Hành vi 1,2,4 → làm ô nhiễm nước.
- + Hành vi 3,5 → Bảo vệ nguồn nước.
- + Hành vi 6 → Làm lãng phí nước.
- + Hành vi 7,8 → là thực hiện tiết kiệm nước.

Vứt rác đúng nơi qui định và sử dụng nước đúng mục đích là thực hiện tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước. Chúng ta phải ủng hộ và thực hiện tiết kiệm nước để sử dụng lâu dài về sau, đồng thời bảo vệ nguồn nước để giữ gìn sức khỏe.

Cần phê phán và ngăn chặn hành vi làm ô nhiễm và lãng phí nước.

=>GV tổng kết:

+ Từng cặp học sinh nhận phiếu bài tập, cùng nhau thảo luận làm bài tập trong phiếu.

Cột B.

→ Tiết kiệm nước.

→ Ô nhiễm nước.

→ Bảo vệ nguồn nước.

→ Lãng phí nước.

+ Học sinh chia đội, cử thành viên đội chơi và thực hiện chơi. Các học sinh khác theo dõi, nhận xét và bổ sung.

3. HĐ ứng dụng: (3 phút)

- Dẫn HS về nhà chuẩn bị bài: Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước –Tiết 2

+ Hướng dẫn thực hành:

Yêu cầu học sinh về nhà quan sát, tìm hiểu thực tế sử dụng nước ở nơi mình ở và điền vào phiếu điều tra.

Phiếu điều tra

Hãy quan sát nguồn nước nơi em đang sinh sống và cho biết:

- 1). Nước ở đó đang thiếu, thừa hay đủ? Biểu hiện như thế nào?
- 2). Nước ở đó sạch hay bị ô nhiễm? Biểu hiện như thế nào?